TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 385/2019/DS-PT
Ngày: 07-5-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng và tranh chấp quyền sở hữu tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phùng Văn Hải**

Các Thẩm phán: **Bà Nguyễn Thị Thu**

Ông Lưu Ngọc Thạch

- Thư ký phiên tòa: **Bà Trần Võ Quỳnh Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Ông Đỗ Đức Toàn** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 4, ngày 26 tháng 4 năm 2019 và ngày 7 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/TLPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng và tranh chấp quyền sở hữu tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 585/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 và quyết định sửa chữa bản án sơ thẩm số 66/2018/QĐ-SCBA ngày 05/12/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 516/2019/QĐ-PT ngày 13/02/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 1309/2019/QĐ-PT ngày 13/3/2019 và Thông báo thay đổi ngày xét xử số 1731 ngày 16/4/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần A

Địa chỉ: đường K, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đinh Thị H là đại diện theo uỷ quyền.

Địa chỉ: đường K, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 05/3/2019).

- *Bị đơn:*

1/ Ông Liên Hùng M, sinh năm 1962;

2/ Bà Lý Ngọc H, sinh năm 1964

Cùng địa chỉ: đường B, Phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đặng Minh G, sinh năm 1970 là đại diện theo ủy quyền.

Địa chỉ: đường T, Phường M, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy uỷ quyền ngày 11/03/2019)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Lư Quang V- Là Luật sư của Văn phòng Luật sư Đặng Minh G thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Nguyễn Thị Hòa L, sinh năm 1973

Địa chỉ: đường B, Phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Trần Văn R, sinh năm 1960

3/ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1957

Cùng địa chỉ: đường H, phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Ông Lâm Trần Chí H, sinh năm 1995

Địa chỉ: đường B, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của các ông bà Nguyễn Thị Hòa L, ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị Đ, ông Lâm Trần Chí H: Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1985 là đại diện theo ủy quyền.

Địa chỉ: Đường Q, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo hợp đồng ủy quyền ngày 17/4/2019).

5/ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1937

Địa chỉ: đường B, Phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

6/ Ông Trần Quang H, sinh năm 1970

7/ Bà Trần Thị Ngọc E, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Đường B, phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

8/ Ông Liên Hùng M1, sinh năm 1964

Địa chỉ: Đường B, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

9/ Bà Lương Tuyết M, sinh năm 1970

Địa chỉ: Đường B, phường H, quận T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo: Ông Liên Hùng M là bị đơn.*

(Bà Đinh Thị H, ông Lư Quang V, bà Nguyễn Thị Kim A có mặt. Bà Nguyễn Thị P, ông Trần Quang H, bà Trần Thị Ngọc E, ông Liên Hùng M1, bà Lương Tuyết M vắng mặt. Riêng ông Đặng Minh G có mặt tại các phiên tòa và vắng mặt khi tuyên án.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/06/2011 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thu H trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần A (gọi tắt là Ngân hàng A) có cho ông Liên Hùng M và bà Lý Ngọc H vay theo hai hợp đồng tín dụng chi tiết như sau:

Khoản vay thứ nhất: Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số NVT.CN.01101207 ngày 26/12/2007

Số tiền vay: 2.800 chỉ vàng SJC,

Thời hạn vay: 180 tháng (kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng)

Tài sản đảm bảo: nhà đường H, phường H, quận P.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng Thương mại cổ phần A xin rút yêu cầu đối với khoản vay thứ nhất đồng thời rút yêu cầu phát mãi căn nhà nhà đường H, phường H, quận P.

Khoản vay thứ hai: Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số NVT.CN.01200208 ngày 21/02/2008

Số tiền vay: 1.100 chỉ vàng SJC (tương đương với 110 lượng vàng)

Thời hạn vay: 180 tháng (kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng)

Tài sản đảm bảo: nhà A và nhà B đường C, phường H, quận P thuộc quyền sở hữu của ông Liên Hùng M và bà Lý Ngọc H

Kể từ thời điểm vay vốn đến ngày 29/7/2011 ông Liên Hùng M và bà Lý Ngọc H đã trả được vốn và lãi với khoản vay này như sau:

Vốn: 6.702,08 phân vàng SJC

Lãi đến ngày 29/7/2011 là 2.403,92 phân vàng SJC

Tạm tính đến ngày 23/10/2018 ông Liên Hùng M, bà Lý Ngọc H còn nợ các khoản sau:

Vốn: 4,297.92 phân vàng SJC

Lãi: 2,381.08 phân vàng SJC

Tổng cộng: 6,679 phân vàng SJC

Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Liên Hùng M và bà Lý Ngọc H thanh toán tổng số nợ còn thiếu trên, trả ngay một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 24/10/2018 ông Liên Hùng M và bà Lý Ngọc H còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên cho đến khi ông Liên Hùng M và bà Lý Ngọc H trả xong nợ.

Nếu ông Liên Hùng M và bà Lý Ngọc H không thanh toán được hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên thì đề nghị phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại A và nhà B, đường C, phường H, quận P để thi hành án.

Việc đại diện ông Liên Hùng M, bà Lý Ngọc H và bà Nguyễn Thị Hòa L khai đứng tên giùm cho bà Nguyễn Thị Hòa L 02 căn nhà trên để vay cho bà Nguyễn Thị Hòa L thì ngân hàng không biết, ngân hàng ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp với ông Liên Hùng M và bà Lý Ngọc H hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật.

Đối với việc tranh chấp giữa ông Liên Hùng M, bà Lý Ngọc H và bà Nguyễn Thị Hòa L về căn nhà A và nhà B, đường C, phường H, quận P thì ngân hàng không có ý kiến.

Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hòa L sẽ trực tiếp trả tiền cho ngân hàng để thanh toán cho hợp đồng tín dụng trung dài hạn số NVT.CN.01200208 ngày 21/02/2008 thì phía ngân hàng không có ý kiến gì, sau khi có người trả tiền cho khoản vay trên tại ngân hàng thì ngân hàng sẽ hoàn trả Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho chính chủ hoặc theo quyết định của Tòa án, hoặc theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Lý Quang P trình bày:

Ông xác nhận ông Liên Hùng M, bà Lý Ngọc H có ký hợp đồng tín dụng trung dài hạn số NVT.CN.01200208 ngày 21/02/2008 với ngân hàng TMCP AC. Để đảm bảo cho khoản vay trên ông Liên Hùng M và bà Lý Ngọc H có thế chấp nhà A và nhà B đường C, phường H, quận P thuộc quyền sở hữu của ông Liên Hùng M và bà Lý Ngọc H cho ngân hàng.

Trong quá trình vay ông Liên Hùng M và bà Lý Ngọc H có trả được tiền vốn và lãi cho ngân hàng nhưng cụ thể thì không nhớ rõ, nay ngân hàng trình bày là ông Liên Hùng M, bà Lý Ngọc H trả cho ngân hàng tiền vốn là (tương đương 67 lượng 2 chỉ 8 phân) và Lãi đến ngày 29/7/2011 là 2.403,92 phân vàng SJC (tương đương 24 lượng 3 chỉ 92 phân) ông thống nhất đồng ý với lời trình bày của ngân hàng.

Đối với yêu cầu của ngân hàng, ông Liên Hùng M, bà Lý Ngọc H đồng ý thanh toán cho ngân hàng số nợ vốn còn thiếu của ngân hàng là: 42 lượng 97 chỉ 92 phân vàng. Do hiện nay ông Liên Hùng M, bà Lý Ngọc H khó khăn nên đề nghị ngân hàng giảm toàn bộ lãi cho ông Liên Hùng M, bà Lý Ngọc H. Trong trường hợp ông Liên Hùng M, bà Lý Ngọc H không thanh toán được thì đồng ý với yêu cầu của ngân hàng là phát mãi tài sản thế chấp để thi hành án.

Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hòa L bị đơn có ý kiến như sau:

Đối với hợp đồng đứng tên chủ quyền nhà để thế chấp ngân hàng ngày 23/01/2008 giữa ông Liên Hùng M, bà Lý Ngọc H, bà Nguyễn Thị Hòa L do ông Trương Vinh Q xuất trình thì đây là chữ ký, chữ viết của ông Liên Hùng M, bà Lý Ngọc H và đây chính là sự thỏa thuận giữa ông Liên Hùng M, bà Lý Ngọc H và bà Nguyễn Thị Hòa L.

Theo thỏa thuận này thì ông Liên Hùng M, bà Lý Ngọc H đứng tên dùm 02 căn nhà A và nhà B, đường C, phường H, quận P cho bà Nguyễn Thị Hòa L để vay tiền ngân hàng cho bà Nguyễn Thị Hòa L. Ông Liên Hùng M, bà Lý Ngọc H đứng tên dùm căn nhà trên cho bà Nguyễn Thị Hòa L và vay vàng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần A theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số NVT.CN.01200208 ngày 21/02/2008 đưa cho bà Nguyễn Thị Hòa L là 110 lượng vàng (việc này bà Nguyễn Thị Hòa L có xác nhận là nhận đủ 110 lượng vàng). Do đó, việc ông Trương Vinh Q đại diện cho bà Nguyễn Thị Hòa L nói bà Nguyễn Thị Hòa L chỉ nhận 95 lượng vàng và ông Liên Hùng M giữ lại 15 lượng vàng tiền môi giới thì ông không đồng ý vì ông Liên Hùng M đã giao đủ 110 lượng cho bà Nguyễn Thị Hòa L.

Việc ông Trương Vinh Q cho rằng toàn bộ vàng đóng cho ngân hàng là vàng của bà Nguyễn Thị Hòa L là không đúng. Bà Nguyễn Thị Hòa L đóng tiền cho ngân hàng được khoảng 4 tháng đầu của hợp đồng vay ngân hàng sau đó thì bà Nguyễn Thị Hòa L ngưng không đóng tiền, vàng cho ngân hàng nữa (việc đóng tiền này của bà Nguyễn Thị Hòa L có lúc bà Nguyễn Thị Hòa L đưa người nhà đóng, có khi đưa cho ông Liên Hùng M đóng). Sau khi bà Nguyễn Thị Hòa L không đóng nữa thì ông Liên Hùng M, bà Lý Ngọc H dùng tiền của mình tiếp tục đóng vàng cho ngân hàng.

Nay bà Nguyễn Thị Hòa L yêu cầu ông Liên Hùng M, bà Lý Ngọc H trả nhà lại cho bà Nguyễn Thị Hòa L và bà Nguyễn Thị Hòa L sẽ thanh toán hợp đồng tín dụng trên với Ngân hàng Thương mại cổ phần A thì ông Liên Hùng M, bà Lý Ngọc H đồng ý với điều kiện là bà Nguyễn Thị Hòa L phải thanh toán cho ông Liên Hùng M, bà Lý Ngọc H toàn bộ số tiền ông Liên Hùng M, bà Lý Ngọc H đã thanh toán cho ngân hàng là 88 lượng 28 chỉ 38 phân vàng, nếu không thì ông Liên Hùng M, bà Lý Ngọc H không đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hòa L do ông Trương Vinh Q là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 2000 bà Nguyễn Thị Hòa L có mua hai căn nhà A và nhà B, đường C, phường H, quận P.

Năm 2003 bà Nguyễn Thị Hòa L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với hai căn nhà trên.

Năm 2007 do nhu cầu vay tiền ngân hàng để làm ăn nên bà Nguyễn Thị Hòa L có gặp ông Liên Hùng M là người làm dịch vụ vay ngân hàng nhờ vay giúp, ông Liên Hùng M tư vấn cho bà Nguyễn Thị Hòa L phải sang tên nhà cho người khác mới vay được. Nghe theo lời ông Liên Hùng M bà Nguyễn Thị Hòa

L đã sang tên hai căn nhà trên cho chị ruột là bà Nguyễn Thị Đ với hình thức bà Nguyễn Thị Đ đứng tên giùm bà Nguyễn Thị Hòa L để vay ngân hàng.

Năm 2008 ông Liên Hùng M nói bà Nguyễn Thị Hòa L sang tên hai căn nhà trên cho ông Liên Hùng M đứng tên sở hữu thì mới vay tiền được. Nghe theo lời ông Liên Hùng M, bà Nguyễn Thị Hòa L đã nói bà Nguyễn Thị Đ sang tên hai căn nhà trên cho ông Liên Hùng M và vợ chồng ông Liên Hùng M, bà Lý Ngọc H đã cùng bà Nguyễn Thị Hòa L làm hợp đồng đứng tên chủ quyền nhà đế thế chấp ngân hàng ngày 23/01/2008 với những nội dụng chủ yếu: "*bằng hợp đồng này bà Nguyễn Thị Hòa L đồng ý cho ông Liên Hùng M thay thế bà Nguyễn Thị Hòa L đứng tên chủ quyền hai căn nhà A và nhà B, đường C, phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh để ông Liên Hùng M có đủ điều kiện thế chấp nhân hàng vay số vàng là 110 lượng (một trăm mười lượng vàng)…*

Sau khi hoàn thành nợ ngân hàng ông Liên Hùng M phải có trách nhiệm ra công chứng giao trả lại tài sản cho bà Nguyễn Thị Hòa L thông qua hợp đồng tặng cho nhà.

Ông Liên Hùng M đứng ra vay ngân hàng được 110 (một trăm mười) lượng vàng nhưng chỉ giao cho bà Nguyễn Thị Hòa L khoản tương đương 95 lượng vàng. Ông Liên Hùng M giữ lại 15 lượng vàng tiền thù lao vay ngân hàng giùm. Việc giao nhận tiền này không có chứng cứ thể hiện và ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo thỏa thuận tại bản hợp đồng ngày 23/01/2008 bà Nguyễn Thị Hòa L là người có trách nhiệm trả vốn và lãi hàng tháng cho ngân hàng, phần ông Liên Hùng M chỉ là người đứng tên giùm không có trách nhiệm gì cả.

Nay bà Nguyễn Thị Hòa L yêu cầu xác định toàn bộ số tiền đóng cho hợp đồng tín dụng trên là của bà Nguyễn Thị Hòa L và ông Liên Hùng M và bà Lý Ngọc H phải giao trả lại quyền sở hữu hai căn nhà A và nhà B, đường C, phường H, quận P cho bà Nguyễn Thị Hòa L. Bà Nguyễn Thị Hòa L xin chịu trách nhiệm trả toàn bộ tiền nợ vay cho hợp đồng tín dụng trung dài hạn số NVT.CN.01200208 ngày 21/02/2008 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn R , ông Lâm Trần Chí H do ông Trương Vinh Q đại diện theo ủy quyền trình bày: Các ông bà này hiện đang sống ở căn nhà trên.

Ông Lâm Trần Chí H là con của bà Nguyễn Thị Hòa L.

Bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn R là vợ chồng. Bà Nguyễn Thị Đ là chị của bà Nguyễn Thị Hòa L, căn nhà A và nhà B, đường C là của bà Nguyễn Thị Hòa L nhờ bà Nguyễn Thị Đ đứng tên dùm để vay ngân hàng nhưng sau đó ông Liên Hùng M yêu cầu sang tên 02 căn nhà trên cho ông Liên Hùng M thì mới vay được nên bà Nguyễn Thị Hòa L đã yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ sang tên nhà cho ông Liên Hùng M, bà Lý Ngọc H và giữa ông Liên Hùng M, bà Lý

Ngọc H, bà Nguyễn Thị Hòa L có làm bản hợp đồng đứng tên chủ quyền nhà để thế chấp ngân hàng. Bà Nguyễn Thị Đ xác định 02 căn nhà trên là của bà Nguyễn Thị Hòa L nên bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn R, ông Lâm Trần Chí H đều thống nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thị Hòa L.

Bà Nguyễn Thị P trình bày: Bà hiện đang sống ở căn nhà trên vì bà là mẹ của bà Nguyễn Thị Hòa L. Nay trước yêu cầu khởi kiện của ngân hàng bà không có ý kiến và yêu cầu gì . Do lớn tuổi bà xin vắng mặt các phiên hòa giải và xét xử.

Ông Trần Văn Hải và bà Trần Thị Ngọc E cùng trình bày: Ông bà ở căn nhà trên do thuê của bà Nguyễn Thị Hòa L. Ông bà không có liên quan và không có ý kiến gì về việc kiện giữa các bên nên ông bà xin vắng mặt các phiên hòa giải và xét xử.

Bà Lương Tuyết M trình bày: Bà và bà Nguyễn Thị Hòa L là bạn bè hàng xóm. Ngày 27/08/2009 bà Nguyễn Thị Hòa L có nhờ tôi đóng giúp tiền vay ngân hàng, bà Nguyễn Thị Hòa L ghi cho bà thông tin chủ tài khoản là ông Liên Hùng M, số tài khoản là 36076469 để bà tới ngân hàng đóng vào tài khoản này. Bà đến Ngân hàng Thương mại cổ phần A chi nhánh Ông Ích Khiêm đóng cho bà Nguyễn Thị Hòa L 2 phiếu thu số 27, 28 ngày 27/08/2009 với số tiền tương đương 9,389 chỉ vàng và 0,036 chỉ vàng. Nay bà nhận thấy đã khai đầy đủ và không liên quan gì đến vụ án nên xin vắng mặt các phiên hòa giải và xét xử.

Ông Liên Hùng M1 trình bày: Ngày 25/04/2011 anh ruột ông là Liên Hùng M có nhờ ông ra ngân hàng AC đóng dùm ông Liên Hùng M khoản vay của ông Liên Hùng M, ông xác định đây là tiền ông Liên Hùng M nhờ ông đi đóng thay. Ông xin vắng mặt các phiên hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện ngân hàng vẫn giữ nguyên ý kiến như trên, rút 01 phần yêu cầu khởi kiện ông Liên Hùng M và bà Lý Ngọc H đối với hợp đồng tín dụng trung dài hạn số NVT.CN.01101207 ngày 16/12/2007, chỉ yêu cầu giải quyết đối với hợp đồng tín dụng trung dài hạn số NVT.CN.01200208 ngày 21/02/2008. Yêu cầu thanh toán hợp đồng này, đến ngày 20/11/2018 tổng cộng là 6,703.87 phân vàng SJC, trong đó gồm: nợ gốc: 4,297.92 phân vàng SJC, nợ lãi trong hạn từ 22/03/2011 đến ngày 14/04/2011 là 24.43 phân vàng SJC, nợ lãi quá hạn từ ngày 14/04/2011 đến ngày 20/11/2018 là 2,381.52 phân vàng SJC. Lãi suất tiếp tục phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên cho đến khi trả xong nợ. Thanh toán một lần, ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Nếu không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì đề nghị phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án. .

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 585/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số: 66/2018/QĐ-SCBSQĐ ngày 05/12/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc khởi kiện ông Liên Hùng M và bà Lý Ngọc H đối với hợp đồng tín dụng trung dài hạn số NVT.CN.01101207 ngày 26/12/2007.

- Buộc bà Nguyễn Thị Hòa L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số nợ vàng gốc và lãi phát sinh đến ngày 20/11/2018 theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số NVT.CN.01200208 ngày 21/02/2008, Tổng cộng là 6,703.87 phân vàng SJC (sáu nghìn bảy trăm lẻ ba phân vàng, tám phẩy bảy ly), cụ thể :

+ Nợ gốc: 4,297.92 phân vàng SJC (bốn nghìn hai trăm chín mươi bảy phân, chín phẩy hai ly).

+ Nợ lãi trong hạn từ 22/03/2011 đến ngày 14/04/2011 là 24.43 phân vàng SJC (tương đương hai mươi bốn phân, bốn phẩy ba ly).

+ Nợ lãi quá hạn từ ngày 14/04/2011 đến ngày 20/11/2018 là 2,381.52 phân vàng SJC (hai nghìn ba trăm tám mươi mốt phân năm phẩy hai ly).

Kể từ ngày 21/11/2018 bà Nguyễn Thị Hòa L còn phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên, tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong khoản nợ gốc.

Thời hạn và phương thức thanh toán: Bà Nguyễn Thị Hòa L có trách nhiệm thanh toán một lần, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Hòa L

- Xác nhận nhà đất tọa lạc tại 149/14/9 Vườn Lan, Phường X, Quận B(nay là đường C, Phường H, Quận P) theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 3481/2003 do UBND Quận B cấp ngày 07/05/2003 và đường C, Phường X, Quận B (nay là đường C, Phường H, Quận P) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 3797/2003 do UBND Quận Bcấp ngày 13/05/2003 thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Hòa L.

- Số vàng mà ông Liên Hùng M, bà Lý Ngọc H, ông Liên Hùng M1, bà Lương Tuyết M đóng cho vào tài khoản của ông Liên Hùng M để trả khoản vay của hợp đồng tín dụng trên là của bà Nguyễn Thị Hòa L.

- Ngay sau khi bà Nguyễn Thị Hòa L thanh toán xong các khoản nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A có trách nhiệm làm thủ tục xóa thế chấp đối với tài sản thế chấp cụ thể là:

+ Diện tích đất và tài sản gắn liền với đất tại đường B, phường T, Quận P(Phường X, quận TB) theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 43874 ngày 21/02/2008 tại văn phòng công chứng số 4, thành phố Hồ Chí Minh và trả cho bà Nguyễn Thị Hòa L các giấy tờ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở số 3481/2003, ngày 07/05/2003 đã cập

nhật thay đổi CSH ngày 06/02/2007 và ngày 14/02/2008 và tờ lệ phí trước bạ ngày 24/01/2008.

+ Diện tích đất và tài sản gắn liền với đất tại đường C, phường H, Quận P (Phường X, quận B) theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 50938 ngày 12/03/2008 tại văn phòng công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh và trả cho bà Nguyễn Thị Hòa L các giấy tờ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở số 3797/2003, ngày 13/05/2003 đã cập nhật thay đổi CSH ngày 14/5/2007 và ngày 04/03/2008 và tờ lệ phí trước bạ ngày 24/01/2008.

Và căn cứ bản án này, bà Nguyễn Thị Hòa L được quyền liên hệ cơ quan chức năng có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở đối với nhà đất trên.

- Trong trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật mà bà Nguyễn Thị Hòa L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A được quyền yêu cơ quan thi hành án tiến hành phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, cụ thể là diện tích đất và tài sản gắn liền với đất tại đường B, phường T, Quận P (Phường X, quận B) theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 43874 ngày 21/02/2008 tại văn phòng công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh và diện tích đất và tài sản gắn liền với đất tại đường C, phường H, Quận P (Phường X, quận TB) theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 50938 ngày 12/03/2008 tại văn phòng công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh.Nếu sau khi phát mãi thanh toán hết các khoản phí và các khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A theo hợp đồng tín dụng trên, số tiền còn dư lại nếu có sẽ được giao cho bà Nguyễn Thị Hòa L.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 29/11/2018, bị đơn - ông Liên Hùng M có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại số tiền mà ông đã đóng cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số NVT.CN.01200208 ngày 21/02/2008. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm yêu cầu bà Nguyễn Thị Hòa L và bà Nguyễn Thị Đ cung cấp đầy đủ các phiếu thu tiền mà bà Nguyễn Thị Hòa L cho rằng bà Nguyễn Thị Hòa L đã chuyển tiền cho ông đóng ngân hàng.

- Ngày 07/12/2018, Viện kiểm sát nhân dân quận P có Quyết định số 01/QĐKNPT-VKS-DS về việc kháng nghị phúc thẩm đối với bản án dân sự sơ thẩm số 585/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú. Đến ngày 28/02/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận P có Quyết định số 01/QĐ-VKS-DS về việc rút toàn bộ quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với bản án dân sự sơ thẩm số 585/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận việc rút toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận P.

Các bên đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn – ông Liên Hùng M do ông Lư Quang V đại diện trình bày nội dung kháng cáo:

Ngân hàng yêu cầu bị đơn thanh toán bằng vàng là trái với quy định tại Thông tư số 11/2011/TT-NHNN ngày 29/4/2011 của Ngân hàng Nhà nước quy định về chấm dứt huy động và cho vay vốn bằng vàng của tổ chức tín dụng có hiệu lực 01/5/2011. Tại bản án sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn phải thanh toán vốn và lãi bằng vàng là không đúng theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn gây thiệt hại cho bị đơn rất lớn do cách tính lãi suất bằng vàng cao hơn quy định.

Việc tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Hòa L là trái với quy định của pháp luật, sai quan hệ pháp luật. Nếu yêu cầu đòi tài sản của bà Nguyễn Thị Hòa L được thực hiện đúng thủ tục và được nhập vụ án thì quan hệ tranh chấp phải là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng và tranh chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất". Tòa án thụ lý yêu cầu độc lập theo quan hệ hợp đồng đối với hợp đồng đứng tên chủ quyền nhà để thế chấp ngân hàng là sai về tố tụng vì bà Nguyễn Thị Hòa L không có quyền khởi kiện. Tính từ thời điểm bà Nguyễn Thị Hòa L biết quyền và lợi ích của bà bị xâm phạm là 3 tháng đối với thỏa thuận đứng tên chủ quyền nhà dùm. Tính đến ngày 24/01/2011 bà Nguyễn Thị Hòa L đã hết thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng đứng tên nêu trên. Bà Nguyễn Thị Hòa L có yêu cầu độc lập ngày 23/11/2016, dù đã hết thời hiệu khởi kiện nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn thụ lý yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Hòa L là vi phạm tố tụng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập công nhận 02 căn nhà thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Hòa L là sai về chủ thể và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Bởi vì, ông Liên Hùng M và bà Lý Ngọc H nhận chuyển nhượng tài sản trên từ bà Nguyễn Thị Đ chứ không phải từ bà Nguyễn Thị Hòa L.

Về án phí: Tòa án cấp sơ thẩm bác phần lãi của ông Liên Hùng M trong khi Tòa án không ban hành thông báo tạm ứng án phí nhưng lại tuyên buộc ông Liên Hùng M, bà Lý Ngọc H phải đóng án phí cho yêu cầu cả phần vốn và lãi là không đúng theo quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng như: Thụ lý vụ án khi người khởi kiện chưa đủ điều kiện khởi kiện, xác định sai quan hệ tranh chấp, không tiến hành hòa giải về tranh chấp quyền sử dụng đất, không cho đối chất về việc đóng lãi. Tòa án chấp nhận yêu cầu trả nợ thay của bà Nguyễn Thị Hòa L cho Ngân hàng trong khi không được sự đồng ý của Ngân hàng Thương mại

cổ phần A là không đúng theo quy định Điều 370 Bộ luật dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Liên Hùng M, hủy bản án sơ thẩm số 585/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Bị đơn – ông Liên Hùng M có ông Đặng Minh G đại diện trình bày bổ sung: Bà Nguyễn Thị Hòa L có yêu cầu độc lập sau thời điểm mở phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn thụ lý yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hòa L là vi phạm tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ dựa vào lời khai của bà Nguyễn Thị Hòa L mà chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hòa L là không có căn cứ, trong khi tất cả mọi khoản tiền do ông Liên Hùng M nộp và có bảng sao kê của Ngân hàng là chứng cứ không cần phải chứng minh. Ông thống nhất với lời trình bày của luật sư Lư Quang V, không có ý kiến khác.

Nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại cổ phần A có bà Đinh Thị H đại diện trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về phần lãi suất thì giữa Ngân hàng và ông Liên Hùng M đã thỏa thuận và thống nhất trong hợp đồng tín dụng. Ngân hàng cho vay bằng vàng, lãi suất cũng thỏa thuận bằng vàng là phù hợp với khế ước ngày 21/02/2008 mà các bên đã ký kết. Hơn nữa, tại Điều 6 của Thông tư 22/2010/TT-NHNN ngày 29/10/2010 quy định: "Đối với các khoản huy động và cho vay vốn bằng vàng, bằng đồng Việt Nam đảm bảo giá trị theo giá vàng phát sinh trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng và khách hàng được tiếp tục thực hiện các thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời gian hiệu lực của hợp đồng". Như vậy, việc tòa ấp cấp sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán nợ vốn và lãi cho ngân hàng bằng vàng là đúng theo quy định của pháp luật. Phía đại diện bị đơn cho rằng Ngân hàng chưa đủ điều kiện khởi kiện tại Tòa án là không đúng. Theo quy định tại Điều 11 của hợp đồng tín dụng nếu khách hàng vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền khởi kiện tại tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Hòa L có bà Nguyễn Thị Kim A đại diện trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của các đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Tòa án chấp nhận. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung:

Về kháng nghị: Ngày 07/12/2018, Viện kiểm sát nhân dân quận P có Quyết định số 01/QĐKNPT-VKS-DS về việc kháng nghị phúc thẩm đối với bản án dân sự sơ thẩm số 585/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú. Đến ngày 28/02/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận P có Quyết định số 01/QĐ-VKS-DS về việc rút toàn bộ quyết định kháng nghị

phúc thẩm đối với bản án dân sự sơ thẩm số 585/2018/DSST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú. Căn cứ theo quy định tại Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận P.

Về nội dung kháng cáo: Bản án sơ thẩm đã xét xử đúng theo quy định của pháp luật, phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn – ông Liên Hùng M giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Ngày 20 và 23/11/2018, Toà án nhân dân quận P đưa vụ án ra xét xử và ban hành Bản án số 585/2018/DS-ST. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có mặt tại phiên tòa. Ngày 29/11/2018, bị đơn - ông Liên Hùng M có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 thì kháng cáo của bị đơn là còn trong hạn luật định nên hợp lệ.

Ngày 07/12/2018, Viện kiểm sát nhân dân quận P có Quyết định số 01/QĐKNPT-VKS-DS về việc kháng nghị phúc thẩm đối với bản án dân sự sơ thẩm số 585/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú. Đến ngày 28/02/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Pcó Quyết định số 01/QĐ-VKS-DS về việc rút toàn bộ quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với bản án dân sự sơ thẩm số 585/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú. Căn cứ theo quy định tại Điều 280, Điều 284 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 thì quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận P là còn trong hạn luật định, việc rút kháng nghị của Viện kiểm sát là hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại cổ phần A và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Hòa L, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng và tranh chấp quyền sở hữu tài sản. Do bị đơn đang cư trú tại quận P và bất động sản tranh chấp đang tọa lạc tại quận P nên Toà án nhân dân quận P thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là phù hợp theo Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Các đương sự là bà Nguyễn Thị P, ông Trần Quang H, bà Trần Thị Ngọc E, ông Liên Hùng M1 và bà Lương Tuyết M có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[4] Về nội dung:

[4.1] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận P, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 07/12/2018, Viện kiểm sát nhân dân quận P có Quyết định số 01/QĐKNPT-VKS-DS về việc kháng nghị phúc thẩm đối với bản án dân sự sơ thẩm số 585/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú. Đến ngày 28/02/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận P có Quyết định số 01/QĐ-VKS-DS về việc rút toàn bộ quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với bản án dân sự sơ thẩm số 585/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú. Căn cứ theo quy định tại Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì quyết định rút kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận P là phù hợp, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với đối với toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận P.

[4.2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn – ông Liên Hùng M, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.2.1] Về thủ tục tố tụng: Việc đại diện bị đơn cho rằng bà Nguyễn Thị Hòa L có yêu cầu độc lập sau thời điểm mở phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn thụ lý yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hòa L là vi phạm tố tụng là không có căn cứ. Xét thấy, vào ngày 23/11/2016, bà Nguyễn Thị Hòa L có đơn yêu cầu độc lập, tòa án sơ thẩm ra thông báo đóng tạm ứng án phí số 200/TB-TA ngày 30/11/2016 với số tiền 200.000 đồng. Sau đó, ngày 16/11/2017, Tòa án cấp sơ thẩm lập biên bản phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là đúng trình tự thủ tục tố tụng.

[4.2.2] Về quyền khởi kiện vụ án: Xét thấy, do bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số NVT.CN.01200208 ngày 21/02/2008 giữa ông Liên Hùng M và bà Lý Ngọc H với Ngân hàng Thương mại cổ phần A nên Ngân hàng có quyền khởi kiện trước thời hạn theo thoả thuận của hợp đồng tín dụng tại Tòa án. Hơn nữa, tại Điều 95 Luật tổ chức tín dụng quy định: *"Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng"*. Như vậy, việc Ngân hàng Thương mại cổ phần A khởi kiện bị đơn trước thời hạn là phù hợp với Điều 4 và Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4.2.3] Về thời hiệu và chủ thể yêu cầu công nhận quyền sở hữu tài sản: Đại diện bị đơn và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng

việc tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu độc lập theo quan hệ hợp đồng đối với: "Hợp đồng đứng tên chủ quyền nhà để thế chấp ngân hàng" thì bà Nguyễn Thị Hòa L không còn quyền khởi kiện, hết thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng nêu trên. Về quyền yêu cầu công nhận quyền sở hữu tài sản: Đại diện bị đơn cho rằng ông Liên Hùng M bà Lý Ngọc H nhận chuyển nhượng 02 căn nhà trên từ bà Nguyễn Thị Đ nên bà Nguyễn Thị Đ mới có quyền khởi kiện đối với tài sản trên. Xét lời trình bày của đại diện bị đơn là không đúng theo quy định của pháp luật. Bởi lẽ, căn cứ tại Khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 thì: *"Tòa án chỉ áp dụng về thời hiệu theo yêu cầu của một hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc"*. Hơn nữa, tại các phiên hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Đ đều xác định: Bà là chị ruột của bà Nguyễn Thị Hòa L, 02 căn nhà nêu trên là tài sản của bà Nguyễn Thị Hòa L, do bà Nguyễn Thị Hòa L thường xuyên đi làm ăn xa nên nhờ bà Nguyễn Thị Đ đứng tên dùm. Thực chất, đây là tài sản của bà Nguyễn Thị Hòa L, bà Nguyễn Thị Hòa L nhờ bà Nguyễn Thị Đ và ông Liên Hùng M, bà Lý Ngọc H đứng tên dùm để thực hiện các giao dịch. Như vậy, lời trình bày của đại diện bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hòa L là có căn cứ.

[4.2.4] Về hình thức thanh toán: Theo thông tư số 11/2011/TT-NHNN ngày 29/4/2011 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về chấm dứt huy động cho vay vốn bằng vàng của tổ chức tín dụng tại Điều 1 quy định: *"Tổ chức tín dụng không thực hiện cho vay vốn bằng vàng đối với khách hàng và các tổ chức tín dụng khác (kể cả các hợp đồng đã ký kết nhưng chưa được giải ngân hoặc giải ngân chưa hết)"*. Vì vậy, thông tư không có quy định đối với các hợp đồng đã giải ngân và đang trả lãi và còn trong thời hạn của hợp đồng. Mặc khác, tại Điều 6 của Thông tư 22/2010/TT-NHNN ngày 29/10/2010 quy định: *"Đối với các khoản huy động và cho vay vốn bằng vàng, bằng đồng Việt Nam đảm bảo giá trị theo giá vàng phát sinh trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng và khách hàng được tiếp tục thực hiện các thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời gian hiệu lực của hợp đồng"*. Như vậy, việc tòa án cấp sơ thẩm buộc người có nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng thanh toán nợ vốn và lãi cho ngân hàng bằng vàng là có căn cứ pháp luật.

[4.2.5] Về quan hệ tranh chấp: Xét thấy, ngày 23/11/2016, bà Nguyễn Thị Hòa L có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án công nhận quyền sở hữu 02 căn nhà số 149/14/9 và số 149/14/09A Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận P, thành phố Hồ Chí Minh và công nhận toàn bộ số vàng lãi đã đóng cho Ngân hàng. Phía đại diện bị đơn và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm xác định sai quan hệ tranh chấp, không tiến hành hòa giải về tranh chấp quyền sử dụng đất là không có căn cứ. Xét giữa ông Liên Hùng M, bà Lý Ngọc H và bà Nguyễn Thị Hòa L thỏa thuận với nhau về việc ông Liên Hùng M, bà Lý Ngọc H đứng tên dùm bà Nguyễn Thị Hòa L để vay ngân hàng theo cam kết tại bản hợp đồng đứng tên chủ quyền nhà để thế chấp

Ngân hàng ngày 23 tháng 01 năm 2008. Bà Nguyễn Thị Hòa L yêu cầu công nhận quyền sở hữu nhà cho bà Nguyễn Thị Hòa L nên đây là quan hệ tranh chấp quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất thông qua giao dịch hợp đồng chứ không phải là tranh chấp quyền sử dụng đất như phía bị đơn xác định. Tại Khoản 3 Điều 8 Nghị quyết 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 quy định rất rõ những trường hợp về tranh chấp quyền sử dụng đất như: đối với tranh chấp ai có quyền sử dụng đất mới cần hòa giải tại xã, phường, thị trấn, còn những tranh chấp liên quan đến quyền sử dụng đất thông qua các giao dịch dân sự thì không cần hòa giải tại cơ sở. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý đơn yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Hòa L là có cơ sở. Xét bản hợp đồng đứng tên chủ quyền nhà để thế chấp ngân hàng ngày 23/01/2008 giữa ông Liên Hùng M, bà Lý Ngọc H và bà Nguyễn Thị Hòa L có nội dung: Bà Nguyễn Thị Hòa L có trách nhiệm trả vốn và lãi cho ngân hàng, ông Liên Hùng M chỉ là người đứng tên dùm không có trách nhiệm gì về việc trả lãi và vốn, nếu trong vòng 3 tháng không đóng cho ngân hàng thì ông Liên Hùng M được quyền bán 2 căn nhà trên trả nợ cho ngân hàng thì phần còn dư lại (nếu có) cũng thuộc về bà Nguyễn Thị Hòa L cũng như lời thừa nhận của bị đơn trong quá trình giải quyết tại tòa án cấp sơ thẩm. Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để công nhận quyền sở hữu 02 căn nhà tọa lạc tại đường B, Phường X, Quận B (nay là đường B, Phường H, Quận P) theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 3481/2003 do UBND Quận Bcấp ngày 07/05/2003 và đường C, Phường X, Quận B(nay là đường C, Phường H, Quận P) theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 3797/2003 do UBND Quận Bcấp ngày 13/05/2003 là của bà Nguyễn Thị Hòa L. Án sơ thẩm xác định quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Hòa L là có căn cứ.

[4.2.6] Về cách thức trả lãi: Tại phiên tòa phúc thẩm, phía đại diện cho bị đơn và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng việc trả lãi bằng vàng là cao hơn quy định của ngân hàng nhà nước về mức lãi suất bằng đồng Việt Nam là không đúng không đúng theo quy định của pháp luật. Theo Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*. Theo đó, tại hợp đồng tín dụng các bên cam kết và thoả thuận với nhau việc trả vốn và lãi bằng vàng nên Ngân hàng yêu cầu thực hiện việc trả lãi bằng vàng theo cam kết giữa các bên trong hợp đồng là có căn cứ. Mặc khác, trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, các bên đương sự thống nhất, không tranh chấp phần vốn và lãi bằng vàng đã đóng cho Ngân hàng. Từ những nhận định trên cho thấy, lời trình bày của luật sư và đại diện của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bên vay trả lãi bằng vàng là có căn cứ chấp nhận.

[4.2.7] Về sự chuyển giao nghĩa vụ trả nợ giữa các bên: Đại diện bị đơn và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu trả nợ thay của bà Nguyễn Thị Hòa L cho Ngân hàng trong khi không được sự đồng ý của bên có nghĩa vụ chuyển giao và bên có quyền đồng ý theo quy định tại Điều 370 BLDS là không đúng theo quy định

của pháp luật. Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm, các bên thống nhất việc chuyển giao nghĩa vụ trả tiền vay từ ông Liên Hùng M, bà Lý Ngọc H sang bà Nguyễn Thị Hòa L và được đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần A đồng ý. Đồng thời tài sản thế chấp đã được xác định là của bà Nguyễn Thị Hòa L. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Ngân hàng yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ngân hàng đồng ý với toàn bộ bản án sơ thẩm nên không có kháng cáo. Như vậy không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của đại diện bị đơn và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Cấp sơ thẩm xác định việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ từ ông Liên Hùng M, bà Lý Ngọc H sang bà Nguyễn Thị Hòa L là có cơ sở chấp nhận.

[4.2.8] Về việc xác định số lãi vàng đã trả cho Ngân hàng là của bị đơn hay của bà Nguyễn Thị Hòa L bỏ ra: Theo lời trình bày của đại diện bị đơn thì: Tòa án cấp sơ thẩm chỉ dựa vào lời khai của bà Nguyễn Thị Hòa L trong khi tất cả mọi khoản tiền do ông Liên Hùng M nộp và có bảng sao kê của Ngân hàng là chứng cứ không cần phải chứng minh. Theo bà Nguyễn Thị Hòa L trình bày: Toàn bộ số vàng bà đã nộp cho Ngân hàng thể hiện trên các phiếu thu là do bà đóng. Do bà có việc làm ăn tại Malaysia nên khi đóng lãi có lúc bà nhờ người nhà đóng, có khi bà gửi tiền về cho ba mẹ bà đưa cho ông Liên Hùng M đóng. Việc giao nhận tiền giữa mẹ bà và ông Liên Hùng M không có lập biên bản giao nhận.

Xét thấy, căn cứ theo bản chính phiếu thu tiền vay vàng số GD 64 ngày 28/07/2009 và phiếu thu tiền vàng số GD 126 ngày 22/09/2008 người nộp tiền là Liên Hùng M nộp nhưng hai phiếu thu này bản chính do bà Nguyễn Thị Hòa L giữ, thời gian này là khoảng 16 tháng kể từ ngày phải đóng tiền vay điều đó thể hiện bà Nguyễn Thị Hòa L có đưa tiền lãi cho ông Liên Hùng M đóng dùm nên ông Liên Hùng M mới giao lại cho bà Nguyễn Thị Hòa L các giấy nộp tiền nêu trên. Mặt khác, bà Nguyễn Thị Hòa L còn nhờ bà Lương Tuyết M đóng giúp bà theo 2 phiếu thu tiền vay vàng số 27,28 ngày 27/08/2009 thể hiện bà Nguyễn Thị Hòa L là người đóng cho khoản vay trên thông qua vợ chồng ông Liên Hùng M và người quen là có cơ sở. Việc Tòa án cấp sơ thẩm công nhận toàn bộ số vàng lãi đã nộp cho Ngân hàng của bà Nguyễn Thị Hòa L là có căn cứ.

Ngoài ra, theo bản hợp đồng đứng tên chủ quyền nhà để thế chấp ngân hàng ngày 23/01/2008 giữa ông Liên Hùng M, bà Lý Ngọc H và bà Nguyễn Thị Hòa L thỏa thuận là bà Nguyễn Thị Hòa L có trách nhiệm trả vốn và lãi cho ngân hàng, ông Liên Hùng M chỉ là người đứng tên dùm không có trách nhiệm gì về việc trả lãi và vốn, nếu trong vòng 3 tháng không đóng cho ngân hàng thì ông Liên Hùng M được quyền bán 2 căn nhà trên trả nợ cho ngân hàng thì phần còn dư lại (nếu có) cũng thuộc về bà Nguyễn Thị Hòa L nên lời trình bày và yêu cầu của đại diện ông Liên Hùng M là không có cơ sở chấp nhận.

[4.2.9] Về án phí: Ngày 23/11/2016, bà Nguyễn Thị Hòa L có đơn yêu cầu độc lập công nhận 02 căn nhà đã thế chấp cho Ngân hàng và yêu cầu công nhận toàn bộ số vàng lãi đã đóng cho Ngân hàng thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Hòa L. Do đó, đây là quan hệ tranh chấp quyền sở hữu tài sản. Trước yêu cầu

độc lập của bà Nguyễn Thị Hòa L, bị đơn là ông Liên Hùng M chỉ phản bác lại ý kiến, không có yêu cầu độc lập đối với số vàng 88 lượng 28 chỉ 38 phân. Tại Điểm a Khoản 2 Điều 17 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án quy định:*"Trường hợp tranh chấp về quyền sở hữu tài sản mà Tòa án không xem xét giá trị, chỉ xem xét quyền sở hữu tài sản của ai thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án không có giá ngạch".* Như vậy, bị đơn – ông Liên Hùng M, bà Lý Ngọc H chỉ chịu án phí không có giá ngạch đối với số vàng lãi nêu trên vì các bên chỉ yêu cầu Tòa án xác định ai là người bỏ ra để trả lãi cho Ngân hàng. Tuy nhiên, tại quyết định của bản án sơ thẩm, cấp sơ thẩm buộc ông Liên Hùng M, bà Lý Ngọc Hphải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Hòa L trả số vàng 88 lượng 28 chỉ 38 phân là không đúng theo quy định của pháp luật. Kháng cáo của bị đơn – ông Liên Hùng M về phần án phí là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận P, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Liên Hùng M và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Từ những phân tích nêu trên xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên chấp nhận một phần.

[6] Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của người đại diện của ông Liên Hùng M là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, không chấp nhận yêu cầu hủy án của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, cần sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí là phù hợp.

[7] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn ông Liên Hùng M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 4; Khoản 1 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 36; Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 121, 122, 123, 124, 471, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Khoản 2 Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

- Thông tư 22/2010/TT-NHNN ngày 29/10/2010 quy định về huy động và cho vay vốn bằng vàng của tổ chức tín dụng;

- Khoản 2 Điều 27; phần 2, mục I danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Pháp lệnh số 10/2009/ UBTVQH 12 ngày 27.02.2009 về án phí, lệ phí Tòa án;

- Khoản 2 Điều 17 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận P.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn – Ông Liên Hùng M.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 585/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú về án phí; giữ nguyên các quyết định khác của bản án sơ thẩm, cụ thể:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc khởi kiện ông Liên Hùng M và bà Lý Ngọc H đối với hợp đồng tín dụng trung dài hạn số NVT.CN.01101207 ngày 26/12/2007.

- Buộc bà Nguyễn Thị Hòa L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số nợ vàng gốc và lãi phát sinh đến ngày 20/11/2018 theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số NVT.CN.01200208 ngày 21/02/2008. Tổng cộng là 6,703.87 phân vàng SJC (sáu nghìn bảy trăm lẻ ba phân vàng, tám phẩy bảy ly), cụ thể:

+ Nợ gốc: 4,297.92 phân vàng SJC (bốn nghìn hai trăm chín mươi bảy phân, chín phẩy hai ly).

+ Nợ lãi trong hạn từ 22/03/2011 đến ngày 14/04/2011 là 24.43 phân vàng SJC (tương đương hai mươi bốn phân, bốn phẩy ba ly).

+ Nợ lãi quá hạn từ ngày 14/04/2011 đến ngày 20/11/2018 là 2,381.52 phân vàng SJC (hai nghìn ba trăm tám mươi mốt phân năm phẩy hai ly).

Kể từ ngày 21/11/2018 bà Nguyễn Thị Hòa L còn phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên, tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong khoản nợ gốc.

Thời hạn và phương thức thanh toán: Bà Nguyễn Thị Hòa L có trách nhiệm thanh toán một lần, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Hòa L.

- Xác nhận nhà đất tọa lạc tại nhà đường B , Phường X, Quận B (nay là đường C, Phường H, quận P) theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 3481/2003 do UBND Quận B cấp ngày 07/05/2003 và đường C, Phường X, Quận B (nay là đường C, Phường H, Quận P) theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 3797/2003 do UBND Quận B cấp ngày 13/05/2003 thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Hòa L.

- Số vàng mà ông Liên Hùng M, bà Lý Ngọc H, ông Liên Hùng M1, bà Lương Tuyết M đóng vào tài khoản của ông Liên Hùng M để trả khoản vay của hợp đồng tín dụng trên là của bà Nguyễn Thị Hòa L .

- Ngay sau khi bà Nguyễn Thị Hòa L thanh toán xong các khoản nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A có trách nhiệm làm thủ tục xóa thế chấp đối với tài sản thế chấp cụ thể là :

+ Diện tích đất và tài sản gắn liền với đất tại đường B, phường T, quận P(Phường X, quận TB) theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 43874 ngày 21/02/2008 tại Văn phòng công chứng số 4, thành phố Hồ Chí Minh và trả cho bà Nguyễn Thị Hòa L các giấy tờ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở số 3481/2003, ngày 07/05/2003 đã cập nhật thay đổi CSH ngày 06/02/2007 và ngày 14/02/2008 và tờ lệ phí trước bạ ngày 24/01/2008.

+ Diện tích đất và tài sản gắn liền với đất tại đường C, phường H, quận P(Phường X, quận TB) theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 50938 ngày 12/03/2008 tại Văn phòng công chứng số 4, thành phố Hồ Chí Minh và trả cho bà Nguyễn Thị Hòa L các giấy tờ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở số 3797/2003, ngày 13/05/2003 đã cập nhật thay đổi CSH ngày 14/5/2007 và ngày 04/03/2008 và tờ lệ phí trước bạ ngày 24/01/2008.

Và căn cứ bản án này, bà Nguyễn Thị Hòa L được quyền liên hệ cơ quan chức năng có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở đối với nhà đất trên.

- Trong trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật mà bà Nguyễn Thị Hòa L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A được quyền yêu cơ quan thi hành án tiến hành phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, cụ thể là diện tích đất và tài sản gắn liền với đất tại đường B, phường T, quận P (Phường X, quận TB) theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 43874 ngày 21/02/2008 tại Văn phòng công chứng số 4, thành phố Hồ Chí Minh và diện tích đất và tài sản gắn liền với đất tại đường C, phường H, quận P (Phường X, quận TB) theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 50938 ngày 12/03/2008 tại Văn phòng công chứng số 4, thành phố Hồ Chí Minh. Nếu sau khi phát mãi thanh toán hết các khoản phí và các khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A theo hợp đồng tín dụng trên, số tiền còn dư lại nếu có sẽ được giao cho bà Nguyễn Thị Hòa L.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A là 59.062.833 đồng theo biên lai thu tiền số 01905 ngày 21/06/2011 của Chi cục thi hành án quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Hòa L phải chịu án phí là 81.152.775 đồng được cấn trừ vào biên lai tạm ứng án phí số 0025822 ngày 30/11/2016 và biên lai tạm ứng án phí số 0012061 ngày 19/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Hòa L phải nộp thêm số tiền là 34.952.775 đồng.

Ông Liên Hùng M và bà Lý Ngọc H phải chịu án phí là 200.000 đồng.

- Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn – Ông Liên Hùng M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Hoàn trả cho ông Liên Hùng M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số: 0012161 ngày 04/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND TC;
-TAND cấp cao tại TP.HCM;
-VKSND TP.HCM;
-TAND quận Tân Phú;
-Chi cục THADS quận Tân Phú;
-Chi cục THADS quận Bình Tân;
-Các đương sự;
-Lưu (T.20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN		THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Lưu Ngọc Thạch	**Nguyễn Thị Thu**	**Phùng Văn Hải**